

MỘT SỐ TÁC ĐỘNG CỦA SỰ BIẾN ĐỔI CƠ CẤU XÃ HỘI TRONG 25 NĂM ĐỔI MỚI ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

PHẠM VIỆT DŨNG^(*)

Sau 25 năm thực hiện Đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, cùng với những thành tựu to lớn về kinh tế – xã hội, xã hội Việt Nam cũng biến đổi toàn diện cả ở tầm vĩ mô và vi mô, từ kinh tế, chính trị, đến văn hoá, xã hội,... Trong đó, cơ cấu xã hội cũng có nhiều biến đổi, từ một cơ cấu xã hội hai giai cấp một tầng lớp sang cùng tồn tại nhiều giai cấp, nhiều tầng lớp, nhiều giai tầng khác nhau; từ những quan hệ xã hội xơ cứng, giản đơn, hành chính sang năng động, phong phú, đa dạng; từ một xã hội sống theo hệ giá trị truyền thống sang sống theo nhiều giá trị khác nhau.

Quá trình phát triển đó có thể dẫn đến hình thành một cơ cấu xã hội mới theo vị thế, bổ sung hoặc thay thế cho cơ cấu xã hội – giai cấp, và tiếp đến là các hình thức liên kết xã hội mới, trong đó một tầng lớp trung lưu mới ở đô thị hay tầng lớp khá giả ở nông thôn có thể đóng vai trò của những nhân tố mới trong tiến trình phát triển sắp tới. Biến đổi cơ cấu xã hội là kết quả tất yếu của quá trình phát triển xã hội, có tác dụng thúc đẩy quá trình đó tiếp tục đi lên. Tuy nhiên, sự biến đổi đó có ảnh hưởng hai mặt đến sự phát triển đất nước, cả tích cực và tiêu cực.

I. Những tác động tích cực

1. Làm thay đổi cơ cấu nghề nghiệp, việc làm, thu nhập, từ đó có tác dụng thúc đẩy kinh tế phát triển

Thế chế kinh tế thị trường định hướng XHCN được xây dựng và dần hoàn thiện cùng với quá trình thực hiện chính sách đổi mới đã tạo điều kiện thuận lợi cho mọi thành viên trong xã hội tham gia tích cực và bình đẳng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Chính sự điều tiết của các loại thị trường đã góp phần làm biến đổi cơ cấu xã hội, và quá trình phân công lại nguồn nhân lực được thực hiện một cách linh hoạt, hợp lý hơn. Sự điều chỉnh đó có tác dụng sắp xếp, bố trí nguồn nhân lực đúng với thực lực, trình độ của người lao động, mở rộng hay thu hẹp quy mô sử dụng nhân lực đúng với yêu cầu thực tiễn của nền kinh tế. Đương nhiên, khi được huy động, sắp xếp đúng vị trí, người lao động sẽ phát huy tối đa năng lực, trình độ của mình, tạo hiệu quả kinh tế lớn hơn, hiện thực hơn. Nền kinh tế nhờ đó sẽ phát huy hết được hiệu quả của mình. Các bảng biểu dưới đây thể hiện rõ sự thay đổi trong cơ cấu nghề nghiệp và việc làm ở Việt Nam từ sau Đổi mới.

^(*) TS., Tạp chí Cộng sản.

Bảng 1: Lao động có việc làm theo thành phần kinh tế 1986-2008 (7)

Năm	Nhà nước		Ngoài nhà nước		Đầu tư nước ngoài	
	Số lượng (người)	Cơ cấu (%)	Số lượng (người)	Cơ cấu (%)	Số lượng (người)	Cơ cấu (%)
1986	4.027.600	14,70	23.371.300	85,30	0	0,0
1987	4.090.900	14,63	23.877.300	85,37	0	0,0
1988	4.051.700	14,01	24.870.100	85,99	0	0,0
1989	3.897.300	13,47	25.042.400	86,53	0	0,0
1992	3.038.300	9,55	28.780.600	90,45	0	0,0
1993	2.968.200	9,12	29.749.800	90,88	0	0,0
1996	2.972.617	8,75	31.005.407	91,25	0	0,0
1997	3.094.235	9,01	31.127.687	90,61	130.304	0,38
1998	3.532.968	10,15	31.083.392	89,32	184.201	0,53
1999	3.605.709	10,11	31.883.750	89,36	190.099	0,53
2000	3.643.809	10,06	32.343.273	89,33	218.350	0,60
2005	4.418.218	10,17	38.334.677	88,22	699.508	1,61
2008	4.073.000	9,07	39.168.000	87,20	1.674.000	3,73

Bảng 2: Cơ cấu lao động làm việc theo các ngành kinh tế trong khu vực thành thị-nông thôn (đơn vị %) (8)

	1996		2005	
	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn
Nông- lâm nghiệp	18,31	82,34	11,57	71,17
Công nghiệp, xây dựng	26,85	6,77	30,01	14,04
Dịch vụ	54,84	10,89	58,42	14,79
Tổng	100,00	100,00	100,00	100,00

2. Góp phần thúc đẩy thị trường lao động và nâng cao chất lượng lao động

Người lao động đã năng động và chủ động hơn trong việc tìm kiếm việc làm, không còn thụ động trông chờ vào sự sắp xếp, bố trí công việc của Nhà nước như trước đây. Người sử dụng lao động (đặc biệt ở khu vực kinh tế ngoài nhà nước) cũng đã độc lập hơn trong việc tuyển chọn lao động, trả lương và cho thôi việc theo các quy định của Bộ Luật lao động cũng như theo cơ chế thị trường.

Chuyển dịch cơ cấu lao động từ khu vực nông nghiệp sang khu vực công nghiệp, dịch vụ, từ lao động giản đơn sang đòi hỏi chuyên môn kỹ thuật... đã làm thay đổi nhiều nhận thức của người lao động. Khái niệm phân công công tác đang mất dần trong quá trình vận hành của cơ chế thị trường. Khái niệm làm một công việc suốt đời đã được thay thế bằng “khả năng tìm việc làm suốt đời”. Hơn nữa, biến đổi cơ cấu xã hội nghề nghiệp làm cho người lao động được thử thách trong thị trường lao động cạnh

tranh sôi động và ngày càng phát triển dưới tác động của tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ. Để tăng khả năng cạnh tranh cũng như thích ứng với sự thay đổi không ngừng của khoa học kỹ thuật, tránh rơi vào tình trạng thất nghiệp, người lao động phải không ngừng phấn đấu học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghề nghiệp, tức là học tập suốt đời, học tập thường xuyên. Đó cũng là đòi hỏi của yêu cầu phát triển kinh tế, của tiến bộ khoa học và công nghệ, và cũng là đòi hỏi của sự phát triển con người trong thời đại mới.

Chuyển dịch lao động từ khu vực nhà nước sang khu vực ngoài nhà nước, đặc biệt là sang khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đã kích thích phát triển đào tạo lao động lành nghề và lao động trình độ cao để đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp. Hơn nữa, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thường chú ý đến việc nâng cao trình độ tay nghề, năng lực quản lý và tác phong làm việc công nghiệp, làm tăng chất lượng nguồn nhân lực thông qua các khóa đào tạo trong và ngoài nước. Nói cách khác, nhu cầu thực tiễn khiến người lao động phải học tập nhiều hơn để có kiến thức và kỹ năng, buộc họ phải năng động hơn. Điều đó cũng có nghĩa là họ có thể có việc làm tốt hơn, năng suất lao động cao hơn và dễ dàng chuyển từ nghề này sang nghề khác.

3. Làm chuyển đổi mô hình xã hội theo xu hướng hiện đại và đa dạng hơn

Con người đang dần được giải phóng khỏi sự hạn chế của thân phận, họ có thể dựa vào thành quả phấn đấu của mình để xác lập vị trí của mình trong xã hội.

Trước đây, chúng ta đã tiến hành các cuộc cải cách trong nông nghiệp,

công nghiệp và thương nghiệp. Một trong những hệ quả của các cuộc cải cách này là hình thành một số tầng lớp xã hội, gắn liền với thân phận chính trị như: bần cố nông, phú nông, viên chức, cán bộ...

Trước thời kỳ Đổi mới, những người có thân phận chính trị khác nhau sẽ hưởng các chính sách, chế độ khác nhau về mọi phương diện như: phúc lợi, tiền lương, quyền vào đại học, quyền và nơi làm việc...

Sau Đổi mới và mở cửa, cơ cấu xã hội dựa trên tiêu chí cũ này lung lay dần, thay vào đó là cơ cấu xã hội mới mà các tiêu chí chủ yếu dựa trên cơ sở kinh tế. Mức độ dựa vào thân phận để hưởng đặc quyền đặc lợi của tầng lớp cán bộ, công chức, của giai cấp công - nông dần giảm xuống. Người nông dân cũng thoát dần sự ràng buộc nghiêm ngặt của chế độ hộ khẩu, đến các thành phố kinh doanh, tìm việc làm. Nhiều người trong số họ thành công, trở thành những ông chủ doanh nghiệp, những người giàu có. Địa vị xã hội thoát dần khỏi khuôn mẫu khô cứng trước đây, con người được khẳng định quan hệ và giá trị thông qua mọi hoạt động tự do, bình đẳng.

Sự biến đổi cơ cấu xã hội đó thực sự là dấu hiệu tích cực trong xã hội đang chuyển đổi từ mô hình truyền thống sang mô hình hiện đại. Nó có tác dụng kích thích mọi thành viên phấn đấu, bứt lên, nâng cao địa vị và vai trò của mình trong xã hội.

4. Tác động đến nội dung, hình thức, phương thức hoạt động của hệ thống chính trị

Sự biến đổi xã hội diễn ra ngay trong từng tầng lớp, từng thành phần, từng giai cấp trong xã hội, cả bề rộng

lấn chiều sâu, cả đặc trưng lẫn tính chất của nó. Chẳng hạn, trong giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức cũng đã và đang diễn ra những biến đổi, những phân hoá mạnh mẽ và sâu sắc khi xã hội thực hiện nền kinh tế thị trường nhiều thành phần. Trong các tầng lớp thanh niên, phụ nữ, cựu chiến binh, các dân tộc, các tôn giáo cũng đã và đang diễn ra những biến đổi, phân hoá rất rõ nét.

Trong xã hội, nền kinh tế thị trường nhiều thành phần hội nhập với kinh tế thế giới, cùng với đó là các quá trình toàn cầu hóa, đô thị hoá... đã xuất hiện nhiều tầng lớp, bộ phận dân cư mới, buộc hệ thống chính trị phải quan tâm. Đó là bộ phận dân cư ở nông thôn không có việc làm đổ về thành thị kiếm sống ngày càng đông. Đó là bộ phận người lang thang cơ nhỡ ở đô thị (nhất là ở Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh). Đó là bộ phận người lao động Việt Nam ở nước ngoài.

Sự xuất hiện các đối tượng, các tầng lớp dân cư như vậy (ngày càng đông, ngày càng phức tạp, đa dạng), với tư cách là một bộ phận của xã hội, đã buộc các tổ chức trong hệ thống chính trị phải có những chủ trương, hình thức, phương thức hoạt động thích hợp. Ngay chính sách đối với công nhân, nông dân, trí thức, thanh niên, phụ nữ, cựu chiến binh... cũng phải đổi mới cho phù hợp. Hệ thống chính trị phải có nội dung, phương thức hoạt động mới hướng vào chăm lo, phát huy quyền làm chủ đối với người lang thang cơ nhỡ, người lao động Việt Nam ở nước ngoài, người chưa có việc làm... Nhiều vấn đề mới đặt ra buộc hệ thống chính trị phải quan tâm như xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc

làm, bảo vệ môi trường, chống các tệ nạn xã hội, bình đẳng dân tộc, tự do tôn giáo, nếp sống văn hoá...

5. Tác động đến các chuẩn mực đạo đức

Sự biến đổi cơ cấu xã hội cũng như các vấn đề kinh tế - xã hội đã tác động và làm thay đổi các chuẩn mực đạo đức liên quan đến lợi ích kinh tế, nghĩa vụ và trách nhiệm với xã hội,...

Vai trò của lợi ích kinh tế đã được nhận thức lại

Lợi ích chính là động lực thúc đẩy tính tích cực của con người trong lao động. Sự công nhận điều này đã trả lại đúng vị trí cần thiết của lợi ích cá nhân, đó chính là cơ sở để thực hiện lợi ích xã hội. Chỉ có tôn trọng và bảo đảm thực hiện lợi ích cá nhân của người lao động thì mới thực hiện được lợi ích chung của toàn xã hội. Bản thân lợi ích xã hội cũng không thể là một cái gì đó trừu tượng, bên ngoài các cá nhân trong đời sống hiện thực của nó.

Việc thay đổi nhận thức này đã tác động lớn đến việc giải quyết vấn đề lợi ích và các quan hệ lợi ích theo nguyên tắc công bằng xã hội. Đây không những là bước tiến quan trọng trong quan niệm về chuẩn mực đạo đức, mà còn là bảo đảm quan trọng để xã hội có sức sống thực tế, lôi cuốn đông đảo mọi người có thái độ tích cực và chủ động trong xây dựng xã hội mới.

Nhận thức mới về lao động

Cách nghĩ, sự nhìn nhận, cách đánh giá của con người và xã hội về lao động, nghề nghiệp, việc làm cũng thay đổi nhiều. Lao động là hàng hóa, giá trị sức

lao động phải được đánh giá theo đúng quy luật giá trị.

Với sự thay đổi này, ý thức đạo đức trong lao động cũng đã thay đổi. Trước đây, giá trị và ý nghĩa của lao động thường chỉ được đánh giá ở khu vực quốc doanh, tập thể, hay lao động trong biên chế. Điều này dẫn đến tâm lý đề cao một cách hình thức chỗ làm trong các cơ quan nhà nước, hay các doanh nghiệp tập thể,... Và những lao động này mới được xem là chân chính. Điều này đã dẫn đến cách nhìn nhận và đánh giá không chính xác với lao động tư nhân, cá thể và nhiều nghề nghiệp khác vốn có ích cho xã hội. Tất cả những đánh giá đó không công nhận hoặc xem nhẹ chất lượng, hiệu quả mà lao động đó mang lại cho xã hội. Nhưng nay đã thay đổi, bất cứ lao động nào, làm việc gì, nghề gì, bằng sức lao động của mình, đem lại hiệu quả thực tế, tự bảo đảm được cuộc sống của mình và có đóng góp cho xã hội, không trái với pháp luật... đều được xem là lao động có ích, đều được thừa nhận, đều có giá trị xã hội như nhau về mặt đạo đức.

Nhận thức về trách nhiệm xã hội

Con người có đạo đức, có tinh thần yêu nước còn phải biết hành động và làm việc vì trách nhiệm với bản thân và xã hội. Với sự thay đổi về nhận thức này, nhiều tấm gương đã được xã hội tôn vinh. Đó là những tấm gương vượt khó, tích cực làm từ thiện, đấu tranh với cái xấu, làm giàu cho bản thân và xã hội... Ngoài ra, đạo đức về trách nhiệm xã hội còn được thể hiện ở nghĩa cử đôn ơn đáp nghĩa với những người có công với cách mạng, gia đình neo đơn, những nạn nhân của thiên tai, dịch bệnh, những khu vực khó khăn,...

6. Góp phần hình thành nền văn hóa mới

Sự phong phú và đa dạng trong các quan hệ xã hội cùng với việc vai trò cá nhân được đánh giá và tôn trọng hơn, đã góp phần hình thành nền văn hóa mới.

Các hoạt động văn hóa ngày càng có xu hướng được xã hội hóa cao, trở thành nền tảng tinh thần của xã hội. Xu hướng này làm cho văn hóa ngày càng thấm sâu vào mọi quan hệ xã hội, góp phần phát huy năng lực sáng tạo của nhân dân. Và chính quá trình này đã thúc đẩy hơn tinh thần yêu nước của toàn dân trong việc xây dựng các thiết chế văn hóa mới, làm cho văn hóa tham gia tích cực hơn vào sự phát triển chung của xã hội.

Văn hóa truyền thống với văn hóa hiện đại, dân tộc với quốc tế, cá nhân với xã hội ngày càng gắn kết mạnh hơn. Chính sự biến đổi sâu sắc trong xã hội đã từng bước làm hình thành nền văn hóa mới, đồng thời cũng đồng nhất hóa nhiều hệ chuẩn. Sự di dân, quá trình đô thị hóa đã làm cho văn hóa các địa phương có điều kiện tiếp xúc, giao lưu nhiều hơn.

Diện mạo mới cho sự phát triển tự do của mỗi cá nhân trong sự phát triển tự do chung của xã hội đã được tạo dựng. Đặc biệt các giá trị nhân bản trong các quan hệ giữa con người với con người được chú trọng hơn. Các mặt trí, đức, thể, mỹ, tình cảm, thị hiếu của cá nhân được quan tâm sâu sắc hơn, các thiết chế văn hóa cũng được coi trọng hơn.

Như vậy, sự phát triển văn hóa những năm qua đã theo xu hướng xã hội hóa lao động và phát triển tự do của mỗi

con người trong tự do chung của cả dân tộc, thể hiện tầm cao và chiều sâu cũng như kết tinh những giá trị tốt đẹp trong quan hệ giữa con người với con người, con người với xã hội và tự nhiên.

II. Những tác động tiêu cực

Cùng với những tác động tích cực, nhiều vấn đề đã nảy sinh, không chỉ gây cản trở đến sự phát triển lành mạnh của bản thân quá trình phân hoá giai tầng, mà còn dẫn đến những tiêu cực xã hội không thể coi thường.

1. *Gia tăng khoảng cách giữa hai cực của xã hội*

Có thể nói, sau khi xoá bỏ chế độ phân phối bình quân chủ nghĩa, khoảng cách giàu nghèo đã gia tăng và đang trong xu thế ngày càng nghiêm trọng. Theo các số liệu của WB, chỉ số GINI (biểu thị mức độ bất bình đẳng trong phân phối thu nhập) của Việt Nam trước đổi mới là 0,17, nằm trong nhóm những nước ít bất bình đẳng nhất thế giới do phân phối “tuyệt đối bình quân”. Nhưng đến năm 1993, con số đó đã tăng lên 0,35; năm 2002 là 0,42 và năm 2006 là 0,43 (9). Như vậy, sự bất bình đẳng về thu nhập giữa các nhóm dân cư có xu hướng tăng nhanh. Mặc dù mức sống nói chung của nhân dân đã được cải thiện nhiều, nhưng cho tới nay vẫn còn hơn 4 triệu người nghèo, chủ yếu tập trung ở nông thôn và miền núi và số người thất nghiệp ở thành phố vẫn cao (năm 2008 là 4,65%) (7).

Khoảng cách chênh lệch về thu nhập bình quân đầu người/tháng giữa nhóm có thu nhập thấp nhất và nhóm có thu nhập cao nhất có xu hướng ngày

càng tăng. Phần lớn những tài sản đất tiền, có giá trị cao sử dụng trong sinh hoạt gia đình đều thuộc về nhóm hộ giàu. Nhóm hộ nghèo ít có cơ hội được sử dụng những tài sản hiện đại như ô tô, máy điều hòa nhiệt độ..., và ngay cả những vật dụng cần thiết trong sinh hoạt gia đình như điện thoại, tủ lạnh, máy giặt, bình tắm nước nóng, máy vi tính... cũng chỉ một tỷ lệ thấp các gia đình này có được.

Trên thực tế, những hộ giàu có điều kiện để nâng cao mức sống và tham gia các hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí. Các thành viên trong gia đình có nhiều cơ hội tìm việc làm có thu nhập cao, có điều kiện học tập nâng cao trình độ. Cùng với những điều kiện đó, vị thế và uy tín của họ trong xã hội cũng được nâng cao và coi trọng. Ngược lại, do thiếu vốn, thiếu điều kiện học tập và chăm sóc sức khỏe, nhiều người trong những hộ nghèo thường rơi vào tình trạng thiếu việc làm, thất nghiệp và trở thành nhóm xã hội yếu thế. Người nghèo không dễ tham gia các hoạt động văn hóa tinh thần như du lịch, lễ hội văn hóa, mua sách báo..., bởi họ thiếu khả năng chi trả cho những loại dịch vụ đó. Do đó, tiếp diễn một cái vòng luẩn quẩn: nghèo - không có điều kiện nâng cao hiểu biết, mở mang văn hóa - không có khả năng phát triển kinh tế - nghèo đói...

2. *Tác động đến tâm lý xã hội*

Cùng với sự chấp nhận sở hữu tư nhân, vai trò của các thành phần kinh tế đã được khẳng định, nhưng nhiều người vẫn nghi ngại tính chất bóc lột của các thành phần kinh tế tư nhân,

vẫn còn những khúc mắc cần tháo gỡ trong nhận thức về vấn đề giai tầng.

Những lo ngại về sự xuất hiện của giai cấp “bóc lột”

Trong quá trình Đổi mới, một số bộ phận trở nên giàu có, đó là những doanh nhân, chủ các doanh nghiệp tư nhân. Bộ phận này đã từng bước được hình thành và ngày càng lớn mạnh. Nguồn gốc xã hội của thành phần mới này chủ yếu là cán bộ, công chức, nông dân, hộ cá thể, nghệ nhân và nhân viên kỹ thuật chuyên nghiệp,... Đây là hệ quả tất yếu của sự thay đổi về sở hữu và quan hệ sản xuất.

Tuy nhiên, sự xuất hiện này đã làm nảy sinh những nhận thức khác nhau. Có những cách nhìn tích cực cho rằng, đây là sản phẩm của công cuộc đổi mới, và họ chính là động lực phát triển xã hội. Nhưng không ít người lại nhìn nhận sự giàu có của bộ phận này là do bóc lột “giá trị thặng dư” của người lao động, và từ đó quy kết họ vào thành phần bóc lột. Nhiều người vẫn nghi ngại tính chất giai cấp đích thực của đội ngũ các chủ doanh nghiệp tư nhân, và không khỏi lo âu khả năng diễn biến phức tạp về chính trị khi giai tầng này nắm giữ phần lớn tài sản và tư liệu sản xuất và có ảnh hưởng không nhỏ đến hệ thống chính trị. Điều này cho thấy, toàn xã hội vẫn chưa hình thành được ý thức đầy đủ về vai trò cũng như địa vị của bộ phận này.

Tạo tâm lý lo lắng trong xã hội

Một bộ phận trong quần chúng nghèo khó cảm thấy bị bóc lột, bị đày đoạ và trở nên thất vọng, bất mãn với chế độ. Nhiều công nhân đang trong

tình trạng thất nghiệp, hay có việc làm thu nhập thấp đều có cảm giác bị vứt ra lề cuộc sống, bị tước đoạt những quyền lợi mà họ đã từng có trước Đổi mới. Những người bị mất việc lâm vào cảnh nghèo túng, cuộc sống bấp bênh, thiếu ổn định. Trong khi đó, không ít người lại giàu lên nhanh chóng, địa vị xã hội cũng thay đổi nhờ chính sách và thể chế mới.

Như vậy, cùng trong một thời kỳ, cùng một thể chế quản lý, lại có những số phận đối vị trí cho nhau – người có công việc và cuộc sống ổn định thế chỗ cho người khó khăn, không có điều kiện và cơ hội làm giàu, tiến thân. Kết cục, quá trình biến đổi cơ cấu xã hội đã khiến cho một bộ phận người ủng hộ, ca ngợi chính sách cải cách; ngược lại, một bộ phận khác lại phản đối, bất mãn với chính sách và thể chế hiện hành. Dẫu điều đó là tất yếu trong bất kỳ cuộc cải cách nào, song nếu để tình trạng như vậy kéo dài, lan rộng, sẽ tác động hết sức tiêu cực đến tâm lý người dân.

3. Xuất hiện những nhóm xã hội dễ bị tổn thương và các vấn đề liên quan đến an sinh xã hội

Cùng với quá trình phân hóa là sự xuất hiện những nhóm xã hội dễ bị tổn thương trong cơ chế thị trường, đó là những hộ gia đình nghèo, phụ nữ, trẻ em, người già, dân nhập cư tự do... Đặc biệt, khi nhóm người nghèo lại rơi vào một số gia đình là đối tượng quan tâm của các chính sách xã hội thì vấn đề càng trở nên phức tạp hơn. Sự xuất hiện những hộ gia đình nghèo - nhóm xã hội yếu thế - trong cơ chế thị trường là tất yếu. Nhóm yếu thế này phần lớn là những hộ đông con, thiếu việc làm, thiếu đất sản xuất, bị ảnh hưởng bởi

thiên tai, dịch bệnh, thiếu điều kiện chăm sóc sức khỏe và các dịch vụ xã hội cơ bản khác, thậm chí không ít người do không biết cách làm ăn đã bị cơ chế thị trường đào thải và rơi vào tình trạng bần cùng hóa. Họ cần sự giúp đỡ của Nhà nước và toàn xã hội qua hệ thống các chính sách, phúc lợi, an sinh xã hội. Và kể cả các hoạt động từ thiện, các quỹ tự nguyện và các cơ chế hỗ trợ cộng đồng khác.

Bên cạnh đó, hệ thống phúc lợi mang lại an sinh xã hội cũng có nhiều biến đổi. Trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường, hệ thống phúc lợi xã hội và mạng lưới an sinh xã hội đóng vai trò bảo đảm an toàn tối thiểu cho một bộ phận người dân do tác động của quá trình chuyển đổi. Tuy nhiên, chúng mới chỉ giúp cho việc khắc phục trước mắt những bất cập đe dọa sự ổn định xã hội trong bối cảnh chuyển đổi. Về lâu dài, cần có hệ thống phúc lợi và mạng lưới an sinh xã hội thích ứng hơn với cơ chế thị trường.

4. Vấn đề công bằng xã hội, sự xuất hiện và gia tăng mâu thuẫn do quá trình phân tầng tạo ra, tiềm ẩn những nguy cơ đối với sự ổn định xã hội

Vấn đề công bằng xã hội luôn được đặt ra cùng với quá trình phát triển. Điều này cũng thấy ở nhiều quốc gia, khu vực, nhất là với các nước đang phát triển. Ở Việt Nam, trong 25 năm qua, chế độ phân phối còn chưa đi vào nề nếp, quá trình chuyển đổi mô hình kinh tế đã xuất hiện nhiều kẽ hở cho những hành vi làm giàu phi pháp. Đối với cán bộ trong các bộ máy công quyền, làm giàu bất chính có nghĩa là tham nhũng. Nhiều người thậm chí còn cho rằng,

trong số những người giàu lên trong xã hội hiện nay chỉ có một bộ phận nhỏ đã làm giàu một cách chính đáng. Như vậy, một trong những nguyên nhân dẫn đến quá trình phân tầng xã hội chính là thủ đoạn làm giàu bất chính, tham nhũng của một nhóm người có quyền lực hoặc sức mạnh kinh tế, hay như nhiều nhà xã hội học gọi đó là quá trình phân tầng “phi hợp thức”. Đó là mặt trái của quá trình biến đổi từ cơ cấu giai tầng truyền thống sang cơ cấu giai tầng hiện đại.

Cùng với sự phát triển của bộ phận kinh tế tư nhân, quá trình di dân và phân công lại lao động, sự không đồng đều trong việc hưởng các lợi ích trong cải cách đã tạo ra những mâu thuẫn mới, đó là: mâu thuẫn giữa chủ và thợ; giữa một bộ phận thu nhập cao với đội ngũ cán bộ làm công ăn lương trong các cơ quan Đảng và chính quyền, giữa bộ phận cư dân thu nhập thấp với nhóm người có thu nhập cao; mâu thuẫn trong nội bộ giai tầng thu nhập thấp (rõ nét nhất là giữa những người làm công ăn lương ở thành phố với những nông dân cũng đến thành phố tìm việc làm). Bên cạnh đó là những mâu thuẫn và xung đột tiềm ẩn, phản ánh trên nhiều mặt của đời sống xã hội. Chẳng hạn, mâu thuẫn giữa phân tầng, chênh lệch về lợi ích với đạo đức, lý tưởng XHCN,...

5. Một số tác động tiêu cực khác

Hiện tại, tỷ trọng lao động nông nghiệp chiếm khoảng 56% tổng lao động toàn quốc. Sau khi gia nhập WTO, do vấp phải nhiều thách thức về giá nông sản, về thị trường tiêu thụ hàng hoá nên số lượng lao động nông nghiệp có nhu cầu chuyển sang các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác sẽ ngày càng

nhiều. Lực lượng lao động dư thừa di chuyển từ nông thôn ra thành phố cũng là vấn đề tiềm ẩn nhiều phức tạp về cơ cấu giai tầng xã hội. Trước đây, lực lượng này đa phần là lao động dư thừa, thấp nghiệp, thu nhập rất thấp ở nông thôn. Sau nhiều năm làm việc ở thành phố, đời sống của nhóm người này được cải thiện một bước đáng kể, trong đó có những người kiếm được việc làm và thu nhập tương đối cao và ổn định. Thời gian gần đây, nhiều nông dân cũng đã bỏ ruộng vườn, cho thuê hoặc nhượng, bán đất khoán, ào ra thành phố, mong tìm được cuộc sống khá hơn. Như vậy là, khi các ngành công nghiệp và dịch vụ phát triển, khi các cơ sở kinh tế ngoài quốc doanh ra đời ngày càng nhiều, thì sức hút của thành phố đối với lực lượng lao động nông nghiệp cũng ngày càng lớn. Điều đó đồng nghĩa với việc giảm thiểu số lượng lao động có mặt ở nông thôn, những người sống chủ yếu bằng nông nghiệp ngày càng ít đi. Đương nhiên, sự biến đổi về cơ cấu giai tầng nông thôn nói riêng, toàn xã hội nói chung cũng chịu tác động khá lớn của xu thế này. Đi kèm với nó là sự phân hoá về thu nhập, về địa vị xã hội và trình độ giáo dục trong nội bộ cư dân nông thôn, đặt ra những vấn đề mới cần giải quyết trước các nhà hoạch định chính sách.

Cơ cấu xã hội trong dân cư thay đổi nhanh chóng, không ổn định. Những thay đổi của các ngành nghề truyền thống, việc thay đổi sang nghề mới hay thay đổi nơi làm việc... làm cho đời sống nhiều người không ổn định, thậm chí rất khó khăn. Quá trình di dân về thành thị, rời từ vùng khó khăn về các trung tâm nhiều khi không kiểm soát

được dẫn đến tình trạng cư trú trái phép, trật tự rối ren, kẻ xấu và các thế lực phản động dễ có cơ hội hoạt động, làm cho tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội không bảo đảm. Mặt khác, sức ép về kinh tế, về kết cấu hạ tầng, sự dư thừa lao động làm cho các đô thị phải đối phó với hàng loạt các vấn đề xã hội khác.

*

* *

Hai mặt tích cực và tiêu cực đã và sẽ tồn tại khách quan trong quá trình phân hoá và biến đổi cơ cấu xã hội, cũng là quá trình chuyển đổi từ kết cấu xã hội truyền thống sang kết cấu xã hội hiện đại. Vấn đề là làm thế nào để phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của quá trình này, làm cho nó phát huy vai trò thúc đẩy công cuộc Đổi mới phát triển nhanh chóng và lành mạnh. Việc nghiên cứu và làm rõ những tác động này góp phần cung cấp những thông tin thực tiễn cũng như cơ sở khoa học cho việc hoạch định các chính sách phát triển kinh tế xã hội của đất nước theo hướng bảo đảm tăng trưởng nhanh đi đôi với ổn định về chính trị và công bằng xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Thiên Kính. Tác động của chuyển đổi cơ cấu lao động nghề nghiệp xã hội đến phân tầng mức sống. H.: Nông nghiệp, 1999.
2. Đình Quang. Đời sống văn hóa ở khu công nghiệp Việt Nam. H.: Văn hóa Thông tin, 2005.

3. Tổng cục Thống kê. Niên giám Thống kê 2007. H.: Thống kê, 2008.
4. Tổng cục Thống kê. Kết quả khảo sát mức sống hộ gia đình năm 2004. H.: 2006.
5. Oxfam, Actionaid Vietnam. Theo dõi nghèo theo phương pháp cùng tham gia tại một số cộng đồng dân cư nông thôn Việt Nam (Báo cáo tổng hợp). H.: 2008.
6. Nguyễn Duy Bắc. Sự biến đổi các giá trị văn hóa trong bối cảnh xây dựng nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay. H.: Từ điển Bách khoa & Viện Văn hóa, 2008.
7. Tổng cục Thống kê. Niên giám thống kê các năm từ 1976 đến 2008.
8. Tổng cục Thống kê. Số liệu thống kê việc làm và thất nghiệp ở Việt Nam giai đoạn 1996-2006. H.: Lao động xã hội, 2006.
9. Ngân hàng Thế giới. Báo cáo chỉ số phát triển con người 2008.

(tiếp theo trang 58)

Nhìn vào nhóm dân số có việc làm, có thể nhận thấy một số xu hướng quan trọng. Nước ta vẫn là một nước mà nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn. Do đó, nông nghiệp vẫn là ngành kinh tế quan trọng nhất, mặc dù tỷ lệ người có việc làm ở ngành này giảm khoảng 13 điểm phần trăm trong giai đoạn từ 1997 đến 2007, xuống còn 52% tổng số người có việc làm. Điều này cũng có nghĩa là đã có sự tăng trưởng trong các ngành kinh tế khác, với tỷ lệ phần trăm tăng lên ở các ngành kinh tế chế biến, xây dựng, và tỷ lệ tăng trưởng lớn của ngành dịch vụ.

Nhưng tính chất nông thôn và sự phụ thuộc nặng nề vào nông nghiệp có nghĩa là một tỷ trọng lớn trong tổng số việc làm nằm ở hai nhóm chỉ số về vị

thế công việc, đó là lao động tự làm và lao động gia đình không được trả lương. Hai nhóm lao động này gộp lại chiếm khoảng từ 2/3 đến 3/4 tổng số người có việc làm năm 2007, có nghĩa là một tỷ trọng rất lớn trong tổng số việc làm là dễ bị tổn thương, có nguy cơ thiếu việc làm bền vững.

Trong những năm tới, điều quan trọng đối với nước ta là chuyển dịch người có việc làm sang nhóm lao động làm công ăn lương có chất lượng nhằm giảm thiểu sự tổn thương và số lượng lao động nghèo. Điều này có thể làm gia tăng thất nghiệp, tuy nhiên đây không hẳn là một dấu hiệu phát triển xấu cho tới khi các tỷ lệ đó bắt đầu đạt mức cao hơn.

PV.